TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NGÔ QUYỀN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 26-7-2017
V/v tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng

.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGÔ QUYỀN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Hải Yến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hà Thị Mão

2. Ông Vũ Đức Dũng

Thư ký phiên toà: Bà Lương Thị Thu Hà - Thư ký Toà án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

Ngày 26 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 237/2017/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 567/2017/QĐXX-ST ngày 10 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Q , sinh năm 1943; nơi cư trú : Đường B, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương; vắng mặt (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T , sinh năm 1969; nơi cư trú : Đường N, phường M, quận N, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/6/2017 và trong quá trình tham gia tố tụng tại Toà án, nguyên đơn Nguyễn Văn Q trình bày*:

Ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1996 trên cơ sở tự nguyện tự nguyện nhưng do thiếu hiểu biết về pháp luật nên không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, cuộc sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến đầu năm 2014, thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù

hợp. Hai bên gia đình đã hòa giải khuyên bảo, vợ chồng đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả và ngày càng căng thẳng. Từ cuối năm 2014 đến nay, ông bà đã sống ly thân . Nay ông Q xác định tình cảm vợ chồng không còn nên có đơn đề nghị Toà án giải quyết không công nhận quan hệ với chồng với bà T.

Về việc nuôi con: Quá trình chung sống, ông Q và bà Th có một con chung là Nguyễn Quang V, sinh ngày 06/5/1997. Hiện con chung đã trên 18 tuổi nên ông Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về việc chia tài sản: Ông Q và bà T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai, trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bị đơn Nguyễn Thị T trình bày:*

Bà Nguyễn Thị T đồng ý với ý kiến của ông Q về điều kiện và quá trình kết hôn. Theo bà, bà và ông Nguyễn Văn Q tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân nhưng do thiếu hiểu biết về pháp luật nên không làm thủ tục đăng ký kết hôn. Sau khi chung sống, vợ chồng hạnh phúc và có một con chung. Từ đầu năm 2014, vợ chồng ông bà đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp. Vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2014 đến nay. Vì tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên bà T đồng ý giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Nguyễn Văn Q.

Về việc nuôi con: Bà T xác nhận vợ chồng có một con chung và đồng ý với quan điểm như ông Q đã trình bày: con chung Nguyễn Quang V, sinh ngày 06/5/1997 đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về việc chia tài sản: Bà T và ông Q tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại phiên toà:*

Nguyên đơn là ông Nguyễn Văn Q vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm của ông như đã trình bày tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị T có mặt, giữ nguyên ý kiến như bản tự khai, quá trình giải quyết tại Toà án và đồng ý với ý kiến của nguyên đơn về quan hệ hôn nhân, về con chung và tài sản chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

I. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

1. Về thẩm quyền: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình về tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 8 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về việc nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa : Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho nguyên đơn là ông Nguyễn Văn Q . Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn là bảo đảm đúng các quy định của pháp luật.

II. Về nội dung vụ án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Điều kiện và quá trình kết hôn như ông Q, bà T đã trình bày, ông bà chung sống từ năm 1996 nhưng không đăng ký kết hôn nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Quá trình chung sống giữa ông Q và bà T phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp và ông bà đã sống ly thân từ cuối năm 2014 đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông bà cùng xác định tình cảm không còn, không có khả năng hàn gắn nên đều đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa ông Q và bà T đã đến mức trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn; đời sống chung không thể kéo dài; việc chung sống như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn của ông bà là không có giá trị pháp lý. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: không công nhận ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị T là vợ chồng theo quy đinh tại Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình.

2. Về việc nuôi con: Ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị T có một con chung như ông bà đã trình bày. Cháu Nguyễn Quang V, sinh ngày 06/5/1997 đã trên 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về việc chia tài sản: Ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị T tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14, nguyên đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

* Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 9; Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về quy định về mức thu , miễn, giảm, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị T.

2. Về nuôi con chung: Ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị T có một con chung là Nguyễn Quang V , sinh ngày 06/5/1997. Con chung Nguyễn Quang Vi đã trên 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về chia tài sản: Ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị T tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí : Ông Nguyễn Văn Q phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ông Q đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 1823 ngày 21 tháng 6 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Ông Nguyễn Văn Q đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Ông Nguyễn Văn Q được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc niêm yết bản án.

Bà Nguyễn Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND quận Ngô Quyền;
- Chi cục THA dân sự quận Ngô Quyền;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hải Yến